

Hydra tiền tệ trên thị trường quốc tế.

Tác Giả: BS. Nguyễn Lưu Viên

Thứ Năm, 09 Tháng 9 Năm 2010 14:58

Trong bài “Lần theo mê-lạc có đường hầm của Hệ Thống Tiền Tệ Mới, chúng ta đã thấy con hydra tiền tệ Mới có tên là Federal Reserve [FED] hoạt động như thế nào

trên đất Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ [HCQHK]. Hôm nay chúng ta sẽ cố gắng tìm xem có con Hydra tiền tệ nào hoạt động như thế trên thị trường quốc tế hay không?

Nhắc lại một số kiến thức:

Ngày 18-th.6-1815, cuộc chiến tại Waterloo đang diễn ra, ông Nathan Rothschild, lúc đó đang là một trong số những ngân hàng lớn nhất của London, nắm được tin Hoàng Đế Napoléon sẽ đổi bại trận của nhà cầm quyền Anh 24 tiếng đồng hồ.



IMF logo

Ông Rothschild liền tung tin nói rằng Napoléon sẽ đổi thế trận. Giá cổ phiếu u trên toàn bộ thị trường ngân hàng khoán lỗ phần trăm xuống tận đáy. Thì Ông Nathan Rothschild liền tay mua gom,

vết ḥ t, các c̣ phị u ṿ i giá ṛ ṃ t.

Cụ i cùng khi chị n tḥ ng c̣ a Ṭ ng Wellington đ̣ c lan truỵ n kḥ p tḥ đô London thì giá các c̣ phị u ḷ i tăng ṿ t lên. Cḥ trong vài gị , Ông Nathan Rothschild ḷ i tung các c̣ phị u này bán ḷ i, và thu đ̣ c nḥ ng khọ n chênh ḷ ch ḳ ch x̣ .

Đó là chuỵ n tḥ i x̣ a. Bây gị chúng ta hãy xem xét chuỵ n tḥ i này.

□

Tḥ a Hị p Bretton Woods. [The Bretton Woods Accords]

Báo chí tḥ ng hay nḥ c ṭ i c̣ m ṭ Bretton Woods. Ṿ y nó là gì, □ đâu?

Tra Ṭ -đị n Webster ṃ i bị t đó là tên c̣ a ṃ t ṇ i nghỉ mát [resort] trong núi White Mountains □ Tị u-Bang New Hampshire .

Xem ḅ n đ̣ Tị u Bang ṃ i tḥ y nò nhỏ xíu ṇ m trên đ̣ ng 320 □ gị a hai thành pḥ nḥ Twin Mountain và Crawford House.

Tḥ mà năm 1944, tṛ c khi Đ̣ Nḥ Tḥ Chị n cḥ m đ̣ t năm 1945, nó đ̣ c cḥ n [theo ý c̣ a Ô. David Rockefeller] làm đ̣ a đị m ḥ i ḥ p cho ṃ t Ḥ i Ngḥ Qụ c Ṭ ṿ Tị n Ṭ . Hai ng̣ i đóng vai chánh trong Ḥ i Ngḥ là kinh-ṭ -gia Anh danh tị ng qụ c ṭ John Maynard Keynes và Tḥ Tṛ ng Tài Chánh Ṃ Harry Dexter White.

Ḥ i ngḥ đ̣ a đ̣ n ṃ t tḥ a hị p đ̣ c g̣ i là Tḥ a Hị p Bretton Woods [the Bretton Woods Accords]

Theo Tḥ a Hị p này thì ḅ n-ṿ vàng [the gold standard] ṿ n đ̣ c gị và đ̣ c đ̣ ng dollar ỵ m tṛ [backed by the US dollar] vì đ̣ ng dollar đ̣ c coi là “ṭ t nḥ vàng” [as good as gold] và Ṃ cam ḳ t ṣ có tḥ đ̣ i [convertibility] đ̣ ng dollar ra vàng theo giá \$35 dollars ṃ t ounce vàng. Ḅ n ṿ vàng c̣ a Bretton Woods [the Bretton Woods gold standard] “cḥ y đ̣ u” đ̣ c ṃ t tḥ i gian, vì ít có ṇ c nào đ̣ i dollars c̣ a mình ra vàng, và ng̣ i ta còn tin ṭ ng ṇ i kḥ năng tṛ đ̣ c [solvency] c̣ a Hoa Ḳ .

Nḥ ng ḳ ṭ năm 1965 chị n tranh Vị tNam đã kéo ṇ c Ṃ vào vòng xọ n c̣ a ṇ ṇ n [the

spiral of debt] thì T.T. De Gaulle c a Pháp, nh n th y M tiêu xài quá cái m c vàng đ c d tr , nên đòi M ph i tr i cho Pháp s vàng t ng đ ng v i \$300 tri u dollars mà Pháp đang có.

M làm đúng theo i yêu c u c a De Gaulle. Nh ng kho d tr vàng c a M b “x p” đ n n i mà năm 1971 T.T.Nixon ph i rút dollar ra kh i b n-v vàng [took the dollar off the gold standard] và h y b luôn vi c đ i dollar ra vàng.

Thì các ngân hàng ti nhân và FED i có đ p d i cái trò o-thu t “loan” đ “create money out of nothing”.

R i i thêm m t trò o-thu t m i n a đ c g i là “short selling” là m t th “m n đ u heo n u cháo” đ a trên hai nguyên ti c căn b n c a “Kinh T Th Tr ng” là:

1- Lu t cung c u: H cung [offre] mà nhi u h n c u [demande] thì giá hàng xu ng, và h cung mà ít h n c u thì giá hàng tăng lên.

2- m c đích ho t đ ng c a m t công-ty là làm sao cho có i có i cho ng i có c ph n [shareholder] và ý mu n c a ng i [hay c a nhóm ng i] n m đa s c ph n là “ý mu n c a vua” giám đ c công ty ph i tuân theo.

Và đây là i hành đ ng c a “short selling”. Thí d nh tôi đã nghiê n c u và khám phá ra đ c m t i ch t o m t món hàng mà tôi cho r ng s đ c dân chúng thích, thì tôi ph i đ ng lên m t công ty đ s n xu t món hàng đó; nh ng vì không có đ ti n nên tôi ph i kêu g i ng i ngoài hùn v n b ng cách “bán c ph n” thí d nh tung ra m t tri u c ph n, m i c ph n giá là \$50 dollars.

Nh có nhi u ng i h ng ng vì th y món hàng t t s đ c dân mua dùng, nên ng i thì mua vài ch c, k thì mua vài trăm, có khi m t nhóm kinh doanh mua vài ngàn c ph n. nên tôi có đ c 50 tri u dollars đ đ ng lên “Công ty V” có nhà máy s n xu t, có c s giao d ch, có văn phòng, v.v...

Nh hàng t t dân chúng thích, mua nhi u, nên “Công-ty V” phát đ t. Giá tr c a c ph n công

ty ṃi ngày ṃt tăng. lên ṭi thí ḍ nḥ \$70 dollars ṃi c̣ pḥn.

Tḥ ng tḥ ng ng̣ i mụn mua c̣ pḥn là mua qua ṃt môi-gịi [“broker”] và g̣i gịy ṣ c̣ pḥn đó cho “broker” gị, cḥ đâu có đem ṿ nhà.

Ṃt ông cḥ nhà bank B, tḥ y “Công ty V” phát đ̣t nên mụn chị ṃ ḷy nó. Tḥ ng [là “ḅ ṭo” có khi là cḥ nhân tḥ t c̣ a tên broker] đ̣n “ṃn” ṃt ṣ X c̣ pḥn c̣ a “Công ty V” và tung ṣ đó ra càng ngày càng nhịu vào tḥ tṛ ng... Tḥ trên tḥ tṛ ng ṣ cung [c̣ a c̣ pḥn “Công ty V”] càng ngày càng tăng, mà ṣ c̣ u thì có ḥn, nên giá c̣ a c̣ pḥn càng ngày càng xụ ng.

Nḥ ng ng̣ i ṇi khác có c̣ pḥn “Công ty V” tḥ y giá c̣ pḥn xụ ng lịn lịn, tḥ ṿi ṿa bịu broker c̣ a mình bán mau mau c̣ pḥn “Công ty V” c̣ a mình, thì trên tḥ tṛ ng tṛ ng ng̣ p c̣ pḥn “Công ty V” ṿi giá ṛ, thí ḍ nḥ cḥi còn có \$25 dollars ṃi c̣ pḥn. Tḥ Ông B ḷy tịn c̣ a nhà bank mình qụ [rafler] ḥt các c̣ pḥn “Công ty V” có trên tḥ tṛ ng. Ông tṛ ḷi cho broker “ḅ ṭo” c̣ a ng̣ ṣ X c̣ pḥn mà ng̣ đã “ṃn”. Còn pḥn Y còn ḷi thì ng̣ gị nḥ là c̣ a. riêng c̣ a ngân hàng B.

Bây gị ông B có tḥ có hai quỵt đ̣nh: Ṃt là đ̣ cho “Công ty V” ṿn ṣ ng, thì ng̣ ḅt ḥn ṣ cung [bán ra] c̣ pḥn Công ty V trên tḥ tṛ ng làm cho giá c̣ a nó tăng lên tṛ ḷi đ̣ đem cái ḷi cái ḷi ṿ cho các cḥ c̣ pḥn [mà chính ngân hàng B đ̣ c ḥ ng tḥ nhịu nḥt vì là ṇm đa ṣ c̣ pḥn]

Hai là ng̣ có tḥ gịt cḥt luôn Công ty V, vì trong ḥi ngḥ ḥ ng năm, hay ḥ ng tam cá nguỵt c̣ a công ty, “ý mụn c̣ a ng̣ i có đa ṣ c̣ pḥn là ý mụn c̣ a vua” nên ng̣ quỵt đ̣nh đ̣p ḅ công ty vì quá ḷi. bán mau mau ṿi giá ṛ, ṭt c̣ máy móc c̣ ṣ c̣ a công ty [không còn tên trong danh sách các c̣ ṣ], thì ṃt “ḅ ṭo” hay ṃt “tay sai” c̣ a ng̣ mua ḥt máy móc đ̣ ng c̣ ṣ đó, đ̣ đ̣ ng lên ṃt Công ty ṃi có tên khác, ṣn xụt cùng ṃt tḥ hàng mà dân đã thích mua.

Còn tôi, ng̣ i tìm ra pḥ ng pháp cḥ ṭo hàng thì đ̣ c ṃn ṇ ḷi làm công nḥ ṃt ḳ-ṣ chuyên môn, hay là ḅ đ̣i đi. Tḥ là “Công ty V” mà trong bao nhiêu năm tôi đã ṭn không bịt bao nhiêu thì gị và công khó nḥ c đ̣ nghiên c̣ u, suy nghĩ, tḥ đi tḥ ḷi ṃi cḥ ṭo ra đ̣ c món hàng đ̣ c dân a thích và ṭo đ̣ ng lên đ̣ c ṃt c̣ ṣ mà tôi ḷy làm ḥnh địn, trong

chĩc lát, đã bĩ nhà bank B nuĩ t hĩt, nhĩ cái trò ỏo thuĩ t “short selling”

Trên bình diĩn quĩc tị, nũu có mĩt tĩ chĩc nào mĩnh và giàu, đem áp dĩng trò ỏo-thuĩ t “short selling” đĩ vào mĩt quĩc gia yĩu và nghèo, thĩ cĩ hĩ thĩng kinh tĩ và hĩ thĩng kĩ nghĩ còn non nĩ t cĩ a quĩc gia ỏy, sũ bĩ “nuĩ t” mĩt hĩt. Mà tĩ chĩc mĩnh và giàu đĩ đã có rĩ Đĩ y là :

IMF & World Bank. Ngoài viĩc đĩ a đĩn mĩt Thĩ a Hiĩp, hĩ i nghĩ ỏ Bretton Woods nói trên còn đĩ ra đĩĩc hai con hydra khĩng ỏ là:

IMF [the International Monetary Fund Quĩ Tiĩn Tĩ Quĩc Tĩ] và World Bank [the International Bank for Reconstruction and Development Ngân Hàng Quĩc Tĩ]

Nĩi là đĩ giúp Đĩ Tam Thĩ Giĩ [the Third World] và các quĩc gia đã bĩ chiĩn tranh tàn phá. Nhĩng trên thĩc tĩ thĩ khác hĩn, vì IMF và World Bank sũ áp dĩng cho Đĩ tam Thĩ Giĩ hai trò ỏo-thuĩ t “loan” và “short selling” cĩng vĩ i hai quan niĩm “cho chĩc ỏn” rĩ t đĩc biĩt nhĩ sau:

1- Đĩ “cho chĩc ỏn”, các nhà bank thĩch “chĩ i” vĩ i các chánh phĩ “vĩng chĩc”, nghĩa thông thĩĩng là các chánh phĩ đĩc tài [The banks preferred “stable” governments for clients. Generally that meant governments controlled by dictators. Theo sách: “The Web of Debt” tr.215]]. Còn tĩ đĩu các nhà đĩc tài đĩ có đĩĩc quyĩn hành và hĩ làm gĩ vĩ i tiĩn, thĩ không phĩ i là mĩ i lo cĩ a các ngân hàng. Cho nên mĩt sũ quĩc gia ỏ Nam-Mĩ đĩĩc thí nghiĩm.

ỏ ChíLĩi, ngày 11-th.9-1973 TT... Salvador Allende, mĩ t vĩ tĩng thĩng đĩĩc dân bĩ u mĩt cách dân chĩ, bĩ Tĩĩng Augusto Pinochet đĩ o chánh.

ỏ Peru chánh phĩ bình dân [populist] cĩ a T.T. Alan Garcia bĩ cho vào “sũ đen”[black list] cĩ a IMF, nên ngày 28-th.7-1990 thĩ bĩ chánh phĩ cĩ a T.T. Alberto Fujimori thay thĩ đĩ áp dĩng cái gĩ i là “economic shock therapy” cĩ a IMF.

Rĩ đĩn Argentina, các cuĩc đĩ o chánh do bĩn “Chicago Boys” gây ra.

2- Đ̣ “cho cḥ c ặ” các tḥ tị n vị n tṛ cho y-ṭ , cho giáo-ḍ c, cho ṣ c kḥ e trong các qụ c gia ṃ c ṇ pḥ i ḅ ḅ đi, theo ḷ nh c̣ a IMF, đ̣ cho các nhà bank đ̣ c tṛ ṇ đ̣ng ḳ [Public spending for health, education and welfare in debtor countries was slashed, following IMF orders to ensure that the banks got timely debt service on their petrodollars..Theo sách:”The Web of Debt” tr.215.]

Cho nên trong các qụ c gia có nḥ n vị n tṛ c̣ a IMF,[nḥ Bangladesh, Bolivia, Brazil, Peru Ethiopia, Somalia, Uganda, Vị t Nam và ṃ t ṣ qụ c gia trong kḥ i Liên Bang Soviet URSS c̣], con nít đi ḥ c pḥ i tṛ tị n, ng̣ i đau ̣ m vào ḅ nh vị n pḥ i tṛ tiên, cḥ không còn đ̣ c mị n phí nḥ tṛ c̣ .

Ḳ t qụ là ̣ trong đa ṣ các qụ c gia ̣ y [trong đó có VN tḥ i “bao c̣ p”] ṇ n giáo ḍ c ḅ phá tan [Destruction of Education], ḥ tḥ ng ḅ o ṿ ṣ c kḥ e ḅ ṣ p đ̣ [Collapse of the Health System], thì các ḅ nh nhị m trùng tái phát [Resurgence of Infectious Diseases].

Riêng ̣ Vị t Nam còn có ṃ t chuỵn ḷ ṇ a mà mình không bị t là: sau khi CS Ḅ c Vị t chị n tḥ ng, thì IMF đòi Hàṇ i pḥ i tṛ ṃ t ṣ tị n \$140 trị u dollars mà Chánh Pḥ Saigon [VNCH] ḥ i tṛ c̣ còn ṇ IMF, ṛ i IMF ṃ i giúp. Thì Hàṇ i pḥ i cḥ u và may cho Hàṇ i, là Pháp ṿ i Nḥ t ḷ p lên ṃ t “̣ y Ban Ḅ n c̣ a VN” [Friends of VN Committee] cho Hàṇ i ṃ n ṣ tị n đó đ̣ tṛ cho IMF.

Ngoài các tai ḥ i ṿ y ṭ và giáo ḍ c nói trên, IMF còn gây ra nhị u tai ḥ a khác đ̣ c ác ḥ n ṇ a, nḥ đem ṇ c sông vào rụ ng đ̣ cày c̣ y mà pḥ i tṛ tị n ṇ c [̣ Bolivia Nam Ṃ] ṇ n đói [nḥ ̣ Somalia, Ethiopia] ṇ n thị u dinh ḍ ng [̣ cùng ḥ t] ṇ n thị u an ninh, ḷ an vì bị u tình cḥ ng đ̣ i và đàn áp [̣ cùng ḥ t], ṇ n ṇ i chị n vì cḥ ng ṭ c [nḥ ̣ Uganda] có tḥ đ̣ a đ̣ n ṇ n dị t cḥ ng [nḥ ̣ Rwanda] ,v.v. mà các sách tôi đã tham kḥ o dị n ṭ ṛ t đ̣ y đ̣ trong vài ba trăm trang.

Ṭ t c̣ vị c đó x̣ y ra sau khi áp ḍ ng cái đ̣ c g̣ i là “ IMF shock therapy” ṿ i “privatization” [ṭ -ḥ u-hóa], ṿ i “deregulation” [ḅ lụ t ḷ ràng bụ c] đ̣ “giúp đ̣ , đ̣ “khuỵ n khích” đ̣ “cḥ đ̣ n” cho dân đ̣ a pḥ ng. Luôn luôn, đ̣ i chiêu bài là “đ̣ tḥ c hị n dân cḥ , “ đ̣ gia nḥ p kinh ṭ tḥ tṛ ng” và đ̣ xây ḍ ng ṃ t “Ṇ n Tṛ t Ṭ Ṃ i”[a New World Order].

Riêng Vị t Nam thì không ḅ nḥ ng tai ḥ a ̣ y, nḥ chính sách “Đ̣ i Ṃ i” bị n ḥ n hai trị u “tḥ ng ng̣ y” đã hèn nhát ḅ tṛ n ra ṇ c ngoài, tṛ thành nḥ ng kị u bào ḥ i ngọ i yêu quý, “khúc rụ t xa ngàn ḍ m” c̣ a dân ṭ c, đ̣ c ân c̣ n ṃ i đi những tours du ḷ ch ṿ VN, đ̣ đ̣ vào ṇ n kinh ṭ c̣ a qụ ḥ ng ḥ ng năm ṃ t hai ṭ , ṛ i ba ḅ n ṭ , ṛ i năm sáu ṭ dollars.

Nh_u s_o ti_{en} đó, vì không ph_i c_a IMF cho m_on, thì không b_o lu_t l_o c_a ch_o n_o ràng bu_c, cho nên t_ut c_a các c_o quan nghi_{en} c_ou qu_c t_h đ_oc l_op đ_u công khai công nh_on là VN ti_{en} b_o, có m_ot n_on kinh t_e v_ong ch_oc, m_ot h_o th_ong c_o s_o căn b_on [infrastructure] t_ut, đ_ong hàng đ_u trong vi_c ch_ong n_on nghèo [against poverty], trong vi_c ch_ong n_on th_ot h_oc [against illiteracy] và trong s_o 20 qu_c gia có s_o l_ong Internet nhiều nh_ot trên th_o gi_oi VN đ_ong hàng th_o 16 v_oi s_o 16,500,000 máy [trên Turkey th_o 17 v_oi 16,000,000 máy, trên Australia th_o 18, v_oi 15,085,000 máy, trên Taiwan th_o 19 v_oi 14.500.000 máy và Philippines th_o 20 v_oi 14,000,000 máy].

VN có m_ot dân s_o h_on 83 tri_u ng_oi, t_uc là t_u l_o ng_oi dùng Internet _o VN là 19,40% cũng là đ_ong hàng th_o 16 [tr_oc PhiLu_tTân th_o 17 v_oi 16,00%, tr_oc Trung Qu_c th_o 18 v_oi 12,30%, tr_oc Indonesia th_o 19 v_oi 8,90% và tr_oc India th_o 20 /3.70%]